

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 12/01/2018

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Vương

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Nhung

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Duy Dũng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2017 và ngày 12/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 129/TLPT-HNGĐ ngày 24/10/2017 về “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1384/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2731/2017/QĐXXPT-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1981 (có mặt);

Thường trú: đường C, khu phố 15, phường D, quận F, Thành phố G.

Tạm trú: H, xã I, huyện J, Thành phố K.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt khi tuyên án);

Thường trú: đường C, khu phố 15, phường D, quận F, Thành phố G.

Tạm trú: L, phường M, quận N, Thành phố O.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà A trình bày: Bà với ông B quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 29/7/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông B thường xuyên nhậu say về đánh đập vợ, không lo cho gia đình và còn quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, hiện nay vợ chồng không còn ở chung nhà với nhau đã hơn 01 năm nay. Vợ chồng cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn với nhau nhưng không được, nên bà A cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông B.

Vợ chồng có 02 con chung tên P, sinh ngày 13/4/2011; Q, sinh ngày 11/6/2005. Ly hôn bà A yêu cầu nuôi con chung tên P, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Ông B nuôi con chung tên Q, bà A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày vợ chồng không có.

\* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông B trình bày: Ông thống nhất với bà A về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng, thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng như bà A khai là đúng, ngoài ra bà A cũng có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân hơn 01 năm nay; Tuy nhiên do ông B còn thương vợ và con, nên hứa sẽ sửa đổi lại tính tình để lo cho gia đình, không đồng ý ly hôn với bà A.

Vợ chồng có 02 con chung tên P, sinh ngày 13/4/2011; Q, sinh ngày 11/6/2005. Ly hôn ông B yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Ông B trình bày vợ chồng không có.

Tại bản án số 1384/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B;

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 29/7/2004, do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu của bà A;

+ Buộc ông B giao con chung tên P, sinh ngày 13/4/2011 cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng; Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền;

+ Tiếp tục giao con chung tên Q, sinh ngày 11/6/2005 cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng; Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Bà A và ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu của bà A, ông B hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B trình bày thống nhất không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2017 ông B kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông B trình bày: Hiện nay ông và 02 con đang sống chung nhà với cha mẹ ông và ông là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Công việc của ông là công nhân lái xe buýt với mức lương căn bản là 11.500.000 đồng/tháng, ông đi làm từ lúc 06 giờ đến 20h, việc chăm sóc con và đưa đón con đi học có ông bà nội hỗ trợ (hiện nay các con đều học ở quận Bình Tân). Bà A cho rằng ông và gia đình có hành vi ngăn cản không cho bà A đến thăm con là không đúng, vì gia đình ông đều cho bà A đến thăm tại nhà nhưng bà A không đến nhà thăm mà nhờ người khác dẫn con ra ngoài cho bà A thăm nên gia đình ông không chịu. Vì vậy, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà A trình bày: Hiện nay bà đang tạm trú ở huyện Bình Chánh và ở một mình, công việc của bà là bán vé xe buýt với mức lương căn bản là 7.000.000 đồng/tháng nếu làm thêm thì bằng lương của ông B, bà đi làm từ 05 giờ sáng đến 22h, bà thừa nhận là không có đến nhà ông B để thăm con mà nhờ người khác dẫn con ra ngoài cho bà thăm vì bà không muốn đến nhà ông B do trước đây gia đình ông B đối xử không tốt với bà, bà cũng thừa nhận hiện nay bên phía ông B nuôi con tốt hơn bà, tuy nhiên bà vẫn yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm, giao hai con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của ông B làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[1] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 29/7/2004, do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông B và bà A thì hôn nhân giữa ông B và bà A là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A với ông B, phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông B có đủ căn cứ để xác định:

Ông B và bà A trong quá trình sinh sống có hai con chung tên P, sinh ngày 13/4/2011 (giới tính: Nữ); Q, sinh ngày 11/6/2005 (giới tính: Nữ). Theo quyết định án sơ thẩm thì ông B được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q, bà A được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét hiện nay ông B là người đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, điều kiện kinh tế của ông B cũng tốt hơn bà A, ngoài thu nhập từ việc lái xe buýt, bà Tô Thị Hương (mẹ ông B) còn ủy quyền cho ông B hàng tháng nhận tiền chia lợi nhuận từ việc tham gia hợp tác đưa xe buýt vào Hợp tác xã xe buýt Quyết thắng nhằm cho ông B có nguồn thu nhập nuôi 02 con. Tại phiên tòa bà Hương cũng cam kết nếu Tòa đồng ý giao 02 con cho ông B nuôi thì bà sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt 02 cháu cũng như đưa đón 02 cháu đi học. Mặt khác, bà A thừa nhận hiện nay nếu giao trẻ P cho bà nuôi dưỡng thì bà cũng để cho ông B nuôi dưỡng một thời gian vì chưa sắp xếp được công việc.

Ông B, bà Hương đều trình bày là gia đình ông không có hành vi cản trở, ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung của bà A vì bà A nhờ người khác đem con ra ngoài để cho bà A thăm nên gia đình ông B không chịu, nếu bà A muốn thăm con thì tới nhà thăm. Lời trình bày này của ông B, bà Hương thì bà A thừa nhận vì bà A không muốn đến gia đình ông B.

Từ nhận xét trên thấy rằng nhằm đảm bảo về mọi mặt cho các con chưa thành niên của ông B và bà A phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần và việc học tập nên giao hai con P và Q cho ông B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Nếu tách hai trẻ ra sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các trẻ nên yêu cầu kháng cáo của ông B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà A xác nhận không có.

Do kháng cáo của ông B được chấp nhận nên ông B không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B

Sửa một phần bản án sơ thẩm, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B;

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 29/7/2004, do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2/ Về con chung:

+ Tiếp tục giao 02 con chung tên P, sinh ngày 13/4/2011 và Q, sinh ngày 11/6/2005 cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu của bà A, ông B hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B trình bày thống nhất không có.

4/ Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0708 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B không phải chịu nên hoàn trả lại cho ông B 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001018 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Bình Tân;
- THA DS Quận Bình Tân;
- TAND Quận Bình Tân;
- UBND P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân;
- Lưu: HSPA, VT (KV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Vương**